UBND TỈNH QUẢNG BÌNH **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐH QUẢNG BÌNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Bình, ngày 15 tháng 3 năm 2019*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Tên tiếng Việt: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VÀ ĐỔI MỚI CỦA

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Tên tiếng Anh: THE BASICS AND INNOVATION OF WORLD

**-** Mã số học phần:

- Số tín chỉ: 02

Số giờ tín chỉ: 30 *(trong đó: Lý thuyết: 20, bài tập: 10)*

- Ngành học: Đại học sư phạm Lịch sử

- Loại học phần: *(Bắt buộc/tự chọn)* Bắt buộc

- Bộ môn phụ trách: Lịch sử

Giảng viên phụ trách chính: GVC - ThS. Lê Trọng Đại

Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: 1) ThS. Lại Thị Hương

2) ThS. Trần Thị Tuyết Nhung

3) ThS. Dương Vũ Thái

**2. Điều kiện tiên quyết:**

Sinh viên đã học xong *Lịch sử thế giới hiện đại*

**3. Mục tiêu của học phần:**

***+ Về kiến thức:*** Củng cố những kiến thức mang tính hệ thống, cơ bản và cập nhật được những thành tựu mới của lịch sử thế giới từ thời nguyên thủy đến nay.

***+ Về kỹ năng:*** Áp dụng được kiến thức về lịch sử thế giới để học tập các học phần liên quan giảng dạy phần lịch sử thế giới trong chương trình giáo dục phổ thông, vận dụng kiến thức lịch sử thế giới để rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học và giải quyết các bài toán mà nghề nghiệp và cuộc sống đặt ra.

***+ Về thái độ:*** Củng cố ở sinh viên niềm tin vào sự tiến bộ và phát triển của xã hội loài người; giúp thế hệ trẻ thấy được trách nhiệm, xác lập ý thức về nghĩa vụ của bản thân với tư cách là một công dân toàn cầu, một công dân Việt Nam.

**4. Chuẩn đầu ra học phần:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã CĐR** | **Nội dung chuẩn đầu ra** |
|  | ***Về kiến thức*** |
| CĐR1 | Củng cố những kiến thức mang tính hệ thống, cơ bản của lịch sử thế giới từ thời nguyên thủy đến nay. |
| CĐR2 | Cập nhật được những thành tựu mới của lịch sử thế giới từ thời nguyên thủy đến nay. |
|  | ***Về kỹ năng*** |
| CĐR3 | Áp dụng được những kiến thức về lịch sử thế giới vào học tập các học phần liên quan và giảng dạy lịch sử thế giới ở trường phô thông. |
| CĐR4 | Rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng viết báo cáo, kỹ năng thuyết trình trước tập thể, kỹ năng làm việc nhóm. |
|  | ***Về thái độ (mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm)*** |
| CĐR 5 | Củng cố ở người học niềm tin vào sự tiến bộ và phát triển của xã hội loài người. |
| CĐR6 | Xác lập ở người học ý thức về nghĩa vụ của bản thân với tư cách là một công dân toàn cầu, một công dân Việt Nam. |

**5. Tóm tắt nội dung học phần:** Học phần trang bị cho người học những hiểu biết về một số vấn đề cơ bản và đổi mới của lịch sử thế giới từ thời nguyên thủy đến nay. Giúp người học vận dụng kiến thức học phần vào việc học tập, nghiên cứu và giảng dạy lịch sử thế giới ở trường phổ thông.

**6. Nội dung chi tiết học phần:**

**6.1. Lý thuyết 24 tiết**

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VÀ ĐỔI MỚI CỦA LỊCH SỬ THẾ GIỚI THỜI NGUYÊN THỦY VÀ CỔ ĐẠI 6 TIẾT

1.1. Những vẫn đề cơ bảnvà đổi mới của lịch sử xã hội nguyên thủy

1.1.1. Nguồn gốc loài người và bầy người nguyên thủy

1.1.2. Công xã thị tộc mẫu hệ

1.1.3. Giai đoạn tan rã của xã hội nguyên thủy

1.1.4. Những vẫn đề đổi mới của lịch sử xã hội nguyên thủy

1.2. Những vẫn đề cơ bản và đổi mới của xã hội cổ đại

1.2.1. Những đặc điểm, đặc trưng của xã hội phương Đông cổ đại

1.2.2. Văn hóa phương Đông cổ đại

1.2.3. Những đặc điểm, đặc trưng của xã hội phương Tây cổ đại

1.2.4. Văn hóa phương Tây cổ đại

CHƯƠNG 2.NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA LỊCH SỬ THẾ GIỚI TRUNG ĐẠI

4 TIẾT

2.1. Đặc điểm, đặc trưng của chế độ phong kiến ở phương Đông

2.1.1. Về kinh tế

2.1.2. Về chính trị

2.1.3. Về xã hội

2.1.4. Những thành tựu văn hóa

2.2. Khái quát quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến P. Tây

2.1.1. Tây Âu sơ kỳ trung đại

2.1.2. Tây Âu trung kỳ trung đại

2.1.3. Tây Âu hậu kỳ trung đại

2.1.4. Những thành tựu văn hóa

CHƯƠNG 3. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VÀ ĐỔI MỚI CỦA LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI 4 TIẾT

3.1. Những vẫn đề cơ bản của lịch sử thế giới cận đại

3.1.1. Các loại hình và sắc thái của cách mạng tư sản

3.1.2. Cách mạng công nghiệp và hệ quả của nó

3.1.4. Phong trào công nhân và sự ra đời của chủ nghĩa Mác

3.2. Những vấn đề mới của lịch sử thế giới cận đại

CHƯƠNG 4. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VÀ ĐỔI MỚI CỦA LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI 6 TIẾT

4.1. Những vẫn đề cơ bản của lịch sử thế giới hiện đại

4.1.1. Cách mạng tháng Mười Nga 1917 và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ 1917 - 1939

4.1.2. Các nước tư bản sau CTTG thứ nhất đến nay (1919 - 2015)

4.1 3. Quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay (1919- 2015)

4.1.4. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 -1945)

4.1.5. Liên Xô và Đông Âu từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến 1991

4.1.6. Các nước Á, Phi và Mỹ Latinh từ sau CTTG thứ nhất đến nay (1919 –

2015)

4.2. Những vấn đề mới của lịch sử thế giới hiện đại

**6.2. Bài tập 10 tiết**

***6.2.1. Cá nhân***

Bài 1. Vẽ sơ đồ quá trình tiến hóa từ vượn nhân hình thành người.

Bài 2. Lập bảng đặc trưng các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Các giai  đoạn | Niên đại | Kỹ thuật chế tác công cụ | Đời sông kinh tế | Đời sống tinh thần | Hôn nhân | Các phát minh |
| Bầy người nguyên thủy |  |  |  |  |  |  |
| Công xã thị tộc mẫu hệ |  |  |  |  |  |  |
| Công xã nông thôn |  |  |  |  |  |  |

Bài 3. Lập bảng đặc trưng về xã hội Phương Đông cổ đại

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Kinh tế | Chính trị | Xã hội |
|  |  |  |
|  |  |  |

Bài 4. Lập bảng đặc trưng về xã hội Phương Tây cổ đại

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Kinh tế | Chính trị | Xã hội |
|  |  |  |
|  |  |  |

Bài 5. Lập bảng đặc trưng về xã hội Tây Âu trung đại

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Kinh tế | Chính trị | Xã hội |
|  |  |  |
|  |  |  |

Bài 6. Lập bảng đặc trưng về xã hội phương Đông trung đại

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Kinh tế | Chính trị | Xã hội |
|  |  |  |
|  |  |  |

Bài 7. Lập bảng đặc trưng về các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | CMTS Hà Lan | CMTS Anh |
| Nhiệm vụ của CM |  |  |
| Động lực của CM |  |  |
| Giai cấp lãnh đạo |  |  |
| Kết quả |  |  |
| Hạn chế |  |  |
| Xu hướng phát triển của CM |  |  |

Yêu cầu:

+ Chuẩn bị báo cáo theo bài tập được giao và nộp lại đúng thời gian quy định.

+ Chuẩn bị câu hỏi thảo luận về nội dung các bài tập.

+ Tham gia thảo luận về các nội dung bài tập trong giờ học.

***6.2.2. Theo nhóm***

Bài 1. Đánh giá vai trò của Liên Xô trong chiến tranh thế giới thứ hai

Bài 2. Đánh giá vai trò của Anh trong chiến tranh thế giới thứ hai

Bài 3. Đánh giá vai trò của Mỹ trong chiến tranh thế giới thứ hai

Bài 4. Tìm hiểu Cuộc cách cách mạng 4.0: Nội dung, thành tựu và tác động của nó

đối với lịch sử nhân loại.

**7. Hình thức giảng dạy và phân bổ thời gian:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Tên chương** | **Số tiết tín chỉ** | | | | | |
| **Tổng** | **Lý thuyết** | **Bài tập** | **Thảo luận** | **Thực hành** | **Khác (\*)** |
| 1 | Những vấn đề cơ bản và đổi mới của LSTG nguyên thủy và cổ đại | 8 | 6 | 2 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Những vấn đề cơ bản của LSTG trung đại | 6 | 4 | 2 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Những vấn đề cơ bản và đổi mới của LSTG cận đại | 7 | 5 | 2 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Những vấn đề cơ bản và đổi mới của LSTG hiện đại | 9 | 5 | 4 | 0 | 0 | 0 |

**CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN (dự kiến)**

Chủ đề 1. Toàn cầu hóa, cơ hội và thách thức đối với Việt Nam

Chủ đề 2. Công cuộc cải tổ, nguyên nhân sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và Đông Âu

Chủ đề 3. Nội dung cơ bản, thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm cải cách mở cửa của Trung Quốc từ 1978 đến nay

Chủ đề 4. Tìm hiểu mô hình phát triển của Hà Lan, Đan Mạch từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

**Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và Nội dung (các chương) của học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chương | CĐR1 | CĐR2 | CĐR3 | CĐR4 | CĐR5 | CĐr6 |
| 1 | X | X | X | X | X | X |
| 2 | X | X | X | X | X | X |
| 3 | X | X | X | X | X | X |
| 4 | X | X | X | X | X | X |

**8. Phương pháp giảng dạy**

Kết hợp các phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, sử dụng đồ dùng trực quan, phương pháp thảo luận, hoạt động nhóm, hướng dẫn tự học.

**9. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Tham gia đầy đủ số tiết học theo quy định (tối thiểu là 75 % số giờ).

- Thái độ học tập nghiêm túc, chủ động trong việc thu thập tài liệu tham khảo. Đọc, phân tích và nhận xét các tài liệu khi học từng chương, mục.

- Tích cực thảo luận, thuyết trình theo các chủ đề giảng viên yêu cầu.

- Làm bài bài kiểm tra đúng hạn và thỏa mãn các nội dung giảng viên yêu cầu.

- Để tiếp thu kiến thức của một tín chỉ sinh viên phải dành thời gian ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

**10. Tài liệu phục vụ cho học phần**

***10.1. Tài liệu bắt buộc***

[1] Lê Trọng Đại (2019), *Giáo trình Những vấn đề cơ bản và đổi mới của Lịch sử*

*Việt Nam,* Đồng Hới.

[2] Nguyễn Xuân Sơn, Nguyễn Hữu Cát (1997), *Lịch sử thế giới đại cương,* Nxb

Đại học Quốc gia Hà Nội, 1998.

***10.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Phạm Hồng Việt, Lê Cung (1996),*Giáo trình lịch sử thế giới đại cương,* TT

ĐTTX ĐH Huế.

[2] Đỗ Thanh Bình (cb), (2001),  *Một số vấn đề về lịch sử thế giới*, Nxb Giáo dục.

[3] Nghiêm Đình Vỳ (cb), (2003), *Lịch sử thế giới cổ trung đại*, Nxb ĐHSP HN.

[4] Phan Ngọc Liên (cb), (2005), *Lịch sử thế giới cận đại*, Nxb ĐHSP, HN.

[5] Đỗ Thanh Bình (cb), (2007), *Lịch sử thế giới hiện đại quyển I*, Nxb ĐHSP HN.

[6] Trần Thị Vinh (cb), (2007), *Lịch sử thế giới hiện đại* quyển II, Nxb ĐHSP.

[7] Vũ Dương Ninh (cb*),*(2009), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb Giáo dục, HN.

***- Khác:*** *Viwiki.pedia.org*

**11. Thang điểm đánh giá**

Thang điểm 10 (với một số lẻ thập phân) được sử dụng để đánh giá các điểm thành phần, điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần. Điểm học phần là tổng điểm tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng, cụ thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Chuyên cần,  thái độ | Kiểm tra  Th. xuyên | Bài tập | Thi kết thúc  học phần/ tiểu luận |
| Trọng số(%) | 5 % | 20 % | 15 % | 60 % |

**12. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Các tiêu chí đánh giá** | **Hình thức đánh giá** | **Trọng số** |
| 1 | *Chuyên cần, thái độ*  - Tham gia trên lớp  - Chuẩn bị bài  - Tích cực thảo luận | - Quan sát, điểm danh hàng ngày.  - Mức độ tích cực tham gia thảo luận và tương tác trong giờ học. | 5% |
| 2 | *Kiểm tra thường xuyên* | * Chấm bài kiểm tra thường xuyên. | 20 % |
| 3 | *Bài tập* | - Chấm kết quả bài tập cá nhân và nhóm | 15 % |
| 4 | *Thi kết thúc HP(tiểu luận)* | - Thi tự luận (vấn đáp/ trắc nghiệm)  - Tiểu luận thay bài thi kết thúc HP. | 60 % |

**Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và Hình thức đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | CĐR1 | CĐR2 | CĐR3 | CĐR4 | CĐR5 | CĐR6 | CĐR7 |
| Điểm danh, chấm vở ghi chép của SV | X | X | X |  |  | X |  |
| Chấm điểm mức độ tích cực tham gia thảo luận | X | X | X | X | X | X |  |
| Chấm bài kiểm tra Th. xuyên | X | X | X |  |  |  | X |
| Chấm báo cáo kết quả làm bài tập các nhân, Bài tập nhóm | X | X | X | X | X | X |  |
| Chấm bài thi Kết thúc học phần: Viết/ (Vấn đáp)/ Tiểu luận | X | X | X | X | X | X | X |

*Quảng Bình, ngày 15 tháng 12 năm 2018*

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỞNG BỘ MÔN GIẢNG VIÊN**

**Lê Trọng Đại Lê Trọng Đại**